TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày 19-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Tuyên;

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng- Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 130/2024/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc T; sinh ngày 10/3/1989, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T1 và con bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị S (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án.

Tại Bản án số 194/2015/HSPT ngày 10/8/2015, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, bị cáo chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đặng Văn N; sinh ngày 25/4/1998, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn E (đã chết) và con bà Lê Thị P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 27/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 05/9/2023, bị cáo chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L; sinh ngày 06/6/1993, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKNKTT: Làng R, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị O; bị cáo có vợ thứ nhất là Nguyễn Thị Ngọc L1 (đã ly hôn) và vợ thứ hai là Nguyễn Thị Tố B; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị P, sinh năm 1974; trú tại: Thôn M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (Có mặt);

Người làm chứng:

1. Ông Trịnh Minh H1; sinh năm 1970, trú tại: A V, tổ dân phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

2. Bà Lã Thị L2; sinh năm 1977, trú tại: I H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt);

3. Ông Phạm Anh V; sinh năm 1985, trú tại: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2024, với mong muốn có súng để phòng thân trong quá trình lái xe, Trần Ngọc T (sinh năm 1989, nơi thường trú và nơi ở hiện nay tại tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai) sử dụng tài khoản facebook cá nhân tên "Trần T" để tìm hiểu và biết được tài khoản facebook tên "Shop K" có đăng quảng cáo bán súng bắn đạn bi. Sau đó, T đã đặt mua 01 khẩu dạng Rulo, kèm theo 05 viên đạn chì với giá là 700.000đồng. Khoảng 05 ngày sau, T nhận khẩu súng, kèm 05 viên đạn và đem về cất giấu súng, đạn tại chỗ ở của mình (tại tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai).

Từ ngày 25/4/2024, Trần Ngọc T làm lái xe cho hãng xe M (địa chỉ: Số I H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai). Vào 21 giờ 15 phút ngày 29/4/2024, khi xe khách thuộc hãng xe M, biển kiểm soát 81B – 018.97 do Phạm Anh V (sinh năm: 1985, nơi cư trú: Thôn K, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai) là tài xế chính, Trần Ngọc T là tài xế phụ và Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L (sinh năm: 1993, nơi thường trú: Làng R, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai) là phụ xe, chở khách đi theo tuyến từ huyện C, tỉnh Gia Lai đến Bến xe A, thành phố Hồ Chí Minh ghé vào bến xe N, tỉnh Đắk Lắk để cho khách nghỉ ngơi. Tại địa điểm trên, nhân viên của Hãng xe M (điều khiển xe khách biển kiểm soát 81B – 019.33) và một

số nhân viên Hãng xe KU xảy ra mâu thuẫn nên Trần Ngọc T đã lên xe khách, lấy ra 01 khẩu súng. Sau đó xuống xe, T hướng đầu súng lên trời và bóp cò 01 phát làm đạn phát nổ. Lúc ngày, nghe thấy tiếng súng nổ, chị Lã Thị L2 (là người quản lý của hãng xe M) hô to "lên xe đi, thằng nào không đi cho ở lại" thì cả T, L và V đều chạy lên xe khách và đóng cửa xe lại. Ở trên xe khách, do lo sợ sự việc bị lực lượng chức năng phát hiện, Trần Ngọc T đã nhờ Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L cất giấu khẩu súng. L sau đó đã gọi Đặng Văn N (sinh năm 1998, nơi thường trú tại thôn M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; là người có mối quan hệ quen biết từ trước với L, là hành khách trên chuyến xe) lại gần và đề nghị Đặng Văn N cất giấu giùm mình bình xịt hơi cay và khẩu súng của Trần Ngọc T thì N đồng ý. N đã trực tiếp nhận khẩu súng từ T, nhận 01 bình xịt hơi cay từ L với mục đích đem đi cất giấu. Khi đó, xe khách biển kiểm sát 81B – 018.97 tiếp tục khởi hành thì bị các xe khách khác của hãng xe KU chặn lại ở khu vực gần cổng của bến xe khách N, tỉnh Đắk Lắk. Đặng Văn N tỏ thái độ sốt ruột vì công việc cá nhân bị chậm trễ, thấy vậy Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L đã gửi cho N số điện thoại của tổng đài hãng xe M để đi xe khác. Đặng Văn N sau đó đã xuống xe khách, đem bình xịt hơi cay vứt bỏ tại một thùng rác ở trong bến xe, rồi di chuyển ra khỏi bến xe và đón xe khách khác đem theo khẩu súng đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/5/2024, sau khi được Cơ quan Công an tuyên truyền, vận động, Đặng Văn N đã trình diện và giao nộp 01 khẩu súng, 04 viên đạn và 01 vỏ đạn, đồng thời khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và các đối tượng khác.

Tại bản Kết luận giám định số 873 ngày 02/5/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

"- 01 khẩu súng gửi giám định là súng tự chế tạo, khi bắn có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất. Hiện khẩu súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 04 (bốn) viên đạn và 01 (một) vỏ đạn gửi giám định là đạn, vỏ đạn của loại đạn cỡ (5,6x15,5)mm; hiện tại 04 viên đạn còn sử dụng được. Đạn cỡ (5,6x15,5)mm thuộc vũ khí thể thao.

- Vỏ đạn gửi giám định do khẩu súng nêu trên bắn ra".

Tại bản cáo trạng số: 139/CT-VKSĐL-P1 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Văn N về tội: Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L về tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số: 139/CT-VKSĐL-P1 ngày 22 tháng 10 năm 2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Văn N phạm tội: Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L phạm tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2, khoản 3 Điều 54, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T (ông Trần Xuân T3 là anh ruột, người đại diện cho bị cáo Trần Ngọc T nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng số Imei 359173735418891, bên trong có 01 thẻ sim mạng Viettel, ký hiệu trên thẻ sim "8984048000905840599 4G viettel"; 01 điện thoại hiệu Nokia 215 màu xanh số Imei 352607741458513, bên trong có 02 thẻ sim mạng Viettel, cụ thể: 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số "8984048000049367880" và 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số, ký tự "8984048000382061487 4G viettel" do không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bà Lê Thị P là chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A38 (bên trong có 01 thẻ sim, trên thẻ sim có dãy số "8984048000325940330) và trả cho bị cáo Đặng Văn N (bà Lê Thị P đại diện nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1174 (bên trong có 02 thẻ sim 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu "8984048000061374508 4G viettel" và 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu "8984048000925884335 4G viettel" do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng không có nhãn hiệu, dạng súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, dài 13cm, ốp tay cầm bằng gỗ màu nâu, thân và nòng súng dài 12cm, phần tay cầm dài 5,7cm được niêm phong theo quy định – Là vật cấm; 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng dài 1,5cm, đường kính đuôi vỏ đạn 0,6cm, đít vỏ đạn có ký hiệu "C", được niêm phong theo quy định; 01 (một) thanh kim loại hình tròn có đường kính 2,5cm, dài 71cm; 01 (một) túi xách màu đen đã qua sử dụng, trên túi có chữ "BOBAG" là đồ vật mà bị cáo Trần Ngọc T sử dụng để cất giấu khẩu súng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận điều tra, nội dung cáo trạng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào 21 giờ 15 phút ngày 29/4/2024 tại Bến xe phía nam tỉnh Đắk Lắk thuộc phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Ngọc T đã có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép 01 khẩu súng (thuộc vũ khí quân dụng). Sau khi sử dụng xong thì T đã nhờ Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L, Đặng Văn N đem cất giấu khẩu súng nêu trên. Sau đó, Đặng Văn N đã vận chuyển khẩu súng trên đến thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 01/5/2024, N được Công an thành phố B triệu tập làm việc và N giao nộp súng, 04 viên đạn và 01 vỏ đạn cho Cơ quan điều tra.

Hành vi trên đây của bị cáo Trần Ngọc T đã phạm vào tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Đặng Văn N đã phạm vào tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 304 Bộ luật Hình sự quy định

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.”

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức để biết rằng Nhà nước nghiêm cấm cá nhân, tổ chức có hành vi liên quan đến việc tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý và sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước mà còn tiềm ẩn mối nguy hiểm khôn lường cho xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, phải có hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo Trần Ngọc T, Đặng Văn N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian

tương xứng đủ để đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm ở địa phương, nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia với vai trò và nhân thân khác nhau nên cần phân hóa tội phạm để định cho từng bị cáo một mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Ngọc T là người vừa tàng trữ vừa sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo là người có nhân thân xấu ngày 10/8/2015, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự nên chưa được xóa án tích, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên mức án xét xử đối với bị cáo phải cao hơn so với bị cáo N và L là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Đặng Văn N mặc dù nhận thức được hành vi cất giấu và vận chuyển súng là vi phạm pháp luật nhưng khi L nhờ bị cáo cất giấu súng thì bị cáo nhận lời thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 27/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 05/9/2023, bị cáo chấp hành xong về địa phương sinh sống không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân do đó mức án xét xử đối với bị cáo phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo L là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khi xem xét để lượng hình đối với các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Ngọc T bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L bị cáo phạm tội lần đầu, là người đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể trong vụ án, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng do đó không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T (ông Trần Xuân T3 là anh ruột, người đại diện cho bị cáo Trần Ngọc T nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng số Imei 359173735418891, bên trong có 01 thẻ sim mạng Viettel, ký hiệu trên thẻ sim "8984048000905840599 4G viettel"; 01 điện thoại hiệu Nokia 215 màu xanh số Imei 352607741458513, bên trong có 02 thẻ sim mạng Viettel, cụ thể: 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số

“89840480000049367880” và 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số, ký tự “8984048000382061487 4G viettel” do không liên quan đến hành vi phạm tội , trả lại cho bà Lê Thị P là chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A38 (bên trong có 01 thẻ sim, trên thẻ sim có dãy số “8984048000325940330” và trả cho bị cáo Đặng Văn N (bà Lê Thị P đại diện nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1174 (bên trong có 02 thẻ sim), 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu “8984048000061374508 4G viettel” và 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu “8984048000925884335 4G viettel” do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng không có nhãn hiệu, dạng súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, dài 13cm, ốp tay cầm bằng gỗ màu nâu, thân và nòng súng dài 12cm, phần tay cầm dài 5,7cm được niêm phong theo quy định – Là vật cấm; 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng dài 1,5cm, đường kính đuôi vỏ đạn 0,6cm, đít vỏ đạn có ký hiệu "C", được niêm phong theo quy định; 01 (một) thanh kim loại hình tròn có đường kính 2,5cm, dài 71cm; 01 (một) túi xách màu đen đã qua sử dụng, trên túi có chữ “BOBAG” là đồ vật mà bị cáo Trần Ngọc T sử dụng để cất giấu khẩu súng.

[4] Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc T, Đặng Văn N, Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]Đối với Phạm Anh V (sinh năm: 1985, trú tại: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai); Lã Thị L2 (sinh năm 1977, trú tại: I H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai) qua quá trình điều tra xác định anh V, bà L2 không biết, không liên quan đến việc tàng trữ, sử dụng, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng của các bị cáo nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi *“mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”* của bị cáo Trần Ngọc T, do chỉ dựa theo lời khai của Trần Ngọc T và trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra cũng không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi vi phạm của bị cáo nên Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị truy tố là có cơ sở.

Đối với đối tượng đã bán súng cho T, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xác minh, nhưng ngoài lời khai của bị cáo Trần Ngọc T thì không có tài liệu, chứng cứ khác nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không có căn cứ xác minh.

Đối với 04 viên đạn *(thuộc vũ khí thể thao)* của bị cáo Trần Ngọc T: Ngày 05/9/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã có công văn đề nghị Công an thành phố B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi liên quan đến vũ khí thể thao là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Văn N phạm tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 02/5/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 02/5/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2, khoản 3 Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T (ông Trần Xuân T3 là anh ruột, người đại diện cho bị cáo Trần Ngọc T nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng số Imei 359173735418891, bên trong có 01 thẻ sim mạng Viettel, ký hiệu trên thẻ sim "8984048000905840599 4G viettel"; 01 điện thoại hiệu Nokia 215 màu xanh số Imei 352607741458513, bên trong có 02 thẻ sim mạng Viettel, cụ thể: 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số "89840480000049367880" và 01 thẻ sim, bề mặt thẻ có dãy số, ký tự "8984048000382061487 4G viettel" do không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bà Lê Thị P là chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A38 (bên trong có 01 thẻ sim, trên thẻ sim có dãy số

"8984048000325940330") và trả cho bị cáo Đặng Văn N (bà Lê Thị P đại diện nhận) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1174 (bên trong có 02 thẻ sim, 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu "8984048000061374508 4G viettel" và 01 thẻ sim bề mặt có ký hiệu "8984048000925884335 4G viettel") do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) khẩu súng không có nhãn hiệu, dạng súng ổ quay bằng kim loại màu trắng, dài 13cm, ốp tay cầm bằng gỗ màu nâu, thân và nòng súng dài 12cm, phần tay cầm dài 5,7cm được niêm phong theo quy định – Là vật cấm; 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng dài 1,5cm, đường kính đuôi vỏ đạn 0,6cm, đít vỏ đạn có ký hiệu "C", được niêm phong theo quy định; 01 (một) thanh kim loại hình tròn có đường kính 2,5cm, dài 71cm; 01 (một) túi xách màu đen đã qua sử dụng, trên túi có chữ "BOBAG" là đồ vật mà bị cáo Trần Ngọc T sử dụng để cất giấu khẩu súng.

(Toàn bộ vật chứng trên có đặc điểm như hai biên bản giao nhận vật chứng cùng ngày 23/10/2022 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lăk, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Đặng Văn N, Nguyễn Thanh Ngọc Bảo L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn C
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng